

Số: 38/TB-TSSĐH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2026

SỞ Y TẾ TP. ĐỒNG NAI

ĐẾN Số: 37729
Ngày: 07/9/2026

Chuyển:

Lưu hồ sơ số:

THÔNG BÁO

Về việc tuyển sinh các trình độ sau đại học đợt 02 năm 2026
(Trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ, và Bác sĩ nội trú)

Căn cứ Quyết định số 472/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Khoa học Sức khỏe là trường đại học thành viên của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 3077/BYT-K2ĐT ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Bộ Y tế về việc bảo đảm chất lượng đào tạo nhân lực y tế trình độ CKI, CKII và BSNT;

Căn cứ Quyết định số 97/QĐ-KHSK ngày 01 tháng 08 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Sức khỏe về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo Bác sĩ nội trú;

Căn cứ Quyết định số 122/QĐ-KHSK ngày 18 tháng 3 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Sức khỏe ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 123/QĐ-KHSK ngày 18 tháng 3 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Sức khỏe ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-KHSK ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Sức khỏe ban hành Đề án tuyển sinh sau đại học trình độ Chuyên khoa cấp I và Bác sĩ nội trú năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 169/QĐ-KHSK ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Sức khỏe ban hành Đề án tuyển sinh sau đại học trình độ Thạc sĩ và Tiến sĩ năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 554/QĐ-KHSK ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Sức khỏe về việc cập nhật thông tin tuyển sinh trình độ thạc sĩ thuộc đề án tuyển sinh sau đại học năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 741/QĐ-KHSK ngày 12 tháng 8 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Sức khỏe về việc cập nhật thông tin tuyển sinh trình độ thạc sĩ, tiến sĩ thuộc đề án tuyển sinh thạc sĩ, tiến sĩ năm 2026.

Hội đồng tuyển sinh sau đại học đợt 02 năm 2026 Trường Đại học Khoa học Sức khỏe (Trường), Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) thông báo tổ chức tuyển sinh trình độ Bác sĩ nội trú (BSNT), Thạc sĩ và Tiến sĩ đợt 02 năm 2026, cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH, HÌNH THỨC ĐÀO TẠO

1. Số lượng chỉ tiêu, trình độ và chuyên ngành tuyển sinh

STT	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu
1	BSNT	Ngoại khoa	NT 62 72 07 50	30
2		Sản phụ khoa	NT 62 72 13 10	12

STT	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu
3		Nhi khoa	NT 62 72 16 55	10
4		Tai Mũi Họng	NT 62 72 53 01	10
5	Thạc sĩ	Ngoại khoa	8720104	45
		+ Ngoại Tổng quát		
		+ Ngoại Thần kinh		
		+ Ngoại Chấn thương chỉnh hình		
		+ Ngoại Tim - Mạch máu và Lồng ngực		
		+ Ngoại Tiết niệu		
5		Tai Mũi Họng	8720155	20
6		Sản phụ khoa	8720105	40
7		Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc	8720202	30
8		Hóa dược	8720203	30
9		Công nghệ Y - Dược	8519001	27
10	Tiến sĩ	Công nghệ Y - Dược	9519001	14

2. Hình thức và thời gian đào tạo

a) Hình thức đào tạo: Chính quy.

b) Thời gian đào tạo:

- Trình độ BSNT: 03 năm.
- Trình độ thạc sĩ: 02 năm.
- Trình độ tiến sĩ: 03 - 04 năm.

II. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

1. Điều kiện chung

a) Đáp ứng đủ điều kiện về văn bằng.

b) Đủ sức khỏe để học tập theo quy định.

c) Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý trực tiếp hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

d) Nộp hồ sơ đầy đủ và đúng hạn theo quy định.

đ) Người dự tuyển đang theo học chương trình đào tạo chính quy, tập trung toàn thời gian diễn ra trong giờ hành chính và có thời điểm kết thúc sau ngày khai giảng khóa trúng tuyển thì không được đăng ký dự thi (các khóa đào tạo không liên tục, đào tạo bồi dưỡng, hoặc đào tạo ngoài giờ hành chính/cuối tuần không bị hạn chế bởi quy định này). Các trường hợp vi phạm sẽ bị huỷ kết quả thi hoặc buộc thôi học (trong trường hợp đã có quyết định công nhận trúng tuyển/công nhận học viên).

2. Điều kiện cụ thể đối với thí sinh dự tuyển trình độ BSNT

a) Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy năm 2026 hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy năm 2026, thuộc ngành học đúng với chuyên ngành dự thi, đạt loại khá trở lên và không thi lại môn thi tốt nghiệp.

b) Trong các năm học đại học không bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên, không bị dừng học tập (trừ lý do sức khỏe).

c) Trường hợp bác sĩ hệ cử tuyển hoặc hợp đồng đào tạo theo địa chỉ sử dụng phải có công văn cử đi dự thi bác sĩ nội trú của Sở Y tế hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

3. Điều kiện cụ thể đối với thí sinh dự tuyển trình độ thạc sĩ

a) Về văn bằng tốt nghiệp:

Đã tốt nghiệp đại học nhóm ngành sức khỏe hoặc lĩnh vực đáp ứng đủ điều kiện về văn bằng có ngành học đúng hoặc ngành phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi (*phụ lục I, II*).

Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Về điều kiện ngoại ngữ:

Thí sinh đáp ứng yêu cầu quy định về trình độ ngoại ngữ khi thỏa một trong các điều kiện sau:

- Có văn bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài là Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật, Hàn;

- Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình giảng dạy bằng ngôn ngữ nước ngoài (gồm các môn thuộc kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, kiến thức bổ trợ và luận văn/đồ án/khóa luận) được Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQG-HCM công nhận;

- Một trong các chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQG-HCM công nhận tại thời điểm dự tuyển (các chứng chỉ này có thời hạn 02 năm tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển).

c) Thí sinh dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học CTĐT trình độ thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà CTĐT được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về Ngoại ngữ theo quy định tại của Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQG-HCM.

4. Điều kiện cụ thể đối với thí sinh dự tuyển trình độ tiến sĩ

Người dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Người đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ thạc sĩ, bác sĩ nội trú, chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II; người đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học chính quy loại giỏi có điểm trung bình tích lũy từ 8.0 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc tương đương ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển trình độ tiến sĩ, hoặc người đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành/nhóm ngành đào tạo tiến sĩ;

b) Có kinh nghiệm nghiên cứu khoa học được thể hiện qua một trong các hình thức: luận văn thạc sĩ định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo/báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên.

c) Có bản dự thảo đề cương nghiên cứu, trong đề cương nghiên cứu có thể đề xuất người hướng dẫn.

d) Có bản dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

đ) Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài mà trong đó ngôn ngữ giảng dạy là ngôn ngữ của môn thi ngoại ngữ, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành.

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài là Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật, Hàn.

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình giảng dạy bằng ngôn ngữ nước ngoài (gồm các môn thuộc kiến thức cơ sở ngành; kiến thức chuyên ngành; kiến thức bổ trợ và luận văn/đồ án/khóa luận) được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc DHQG-HCM công nhận.

- Một trong những chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo và DHQG-HCM công nhận. Các chứng chỉ này có thời hạn 02 năm tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển.

e) Người dự tuyển là công dân nước ngoài, lưu học sinh Hiệp định (là người nước ngoài được tiếp nhận học tập tại Việt Nam và được Chính phủ Việt Nam cấp học bổng theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên) nếu đăng ký theo học các CTĐT bằng ngôn ngữ tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài (đơn vị tổ chức đánh giá năng lực tiếng Việt gồm: các cơ sở giáo dục đại học có đào tạo ngành Văn học, Sư phạm Ngữ

văn, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam; các đơn vị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng tiếng Việt cho người nước ngoài) hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà CTĐT được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ thứ hai theo quy định ngoại ngữ của Trường. Trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong CTĐT trình độ tiến sĩ thì được miễn yêu cầu về ngoại ngữ.

g) Đối với các đề tài nghiên cứu khoa học có liên quan đến khám bệnh, chữa bệnh, người dự tuyển phải có chứng chỉ hành nghề phù hợp trước khi thực hiện đề tài.

h) Người dự tuyển chưa đáp ứng các điều kiện dự tuyển trình độ tiến sĩ tại điểm b, đ, e có thể nộp hồ sơ đăng ký học dự bị tiến sĩ theo quy định.

III. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH, NỘI DUNG VÀ MÔN THI TUYỂN SINH

1. Phương thức tuyển sinh

a) **Trình độ BSNT:** Thi tuyển.

b) **Trình độ thạc sĩ:** Tuyển thẳng, xét tuyển và thi tuyển.

Chương trình thạc sĩ	Phương thức tuyển sinh
Thạc sĩ Công nghệ Y - Dược	- Xét tuyển thẳng: Người dự tuyển là người đã tốt nghiệp trình độ đại học hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) có ngành phù hợp với ngành đăng ký tuyển thẳng và có năng lực ngoại ngữ đảm bảo theo quy định: + Người đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học chính quy loại giỏi có điểm trung bình tích lũy từ 8,0 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc tương đương; + Người đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học chính quy là thủ khoa của ngành; + Người đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học đạt giải nhất, nhì, ba các kỳ thi Olympic sinh viên (giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học của Bộ Giáo dục và Đào tạo; giải thưởng Eureka và các giải thưởng khoa học công nghệ cấp quốc gia, quốc tế được tổ chức ở trong nước và ngoài nước). Thời gian tuyển thẳng tối đa 24 tháng tính từ ngày ký văn bằng tốt nghiệp đến ngày

Chương trình thạc sĩ	Phương thức tuyển sinh
	nộp hồ sơ dự tuyển.
Thạc sĩ Công nghệ Y - Dược Thạc sĩ Hóa dược*	- Xét tuyển: + Người dự tuyển là người đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành đăng ký xét tuyển, có điểm trung bình tích lũy từ 7,0 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc tương đương; + Người tham gia chương trình liên thông từ trình độ đại học lên trình độ thạc sĩ; + Người nước ngoài đã tốt nghiệp trình độ đại học ngành phù hợp với ngành đăng ký xét tuyển và có năng lực tiếng Việt bậc 4 trở lên. *Đối với chương trình Thạc sĩ Hóa dược: Xét tuyển kết hợp phỏng vấn.
Thạc sĩ Công nghệ Y - Dược Thạc sĩ Ngoại khoa Thạc sĩ Sản phụ khoa Thạc sĩ Tai - Mũi - Họng Thạc sĩ Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc Thạc sĩ Hóa dược	- Thi tuyển: Người đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp.

Lưu ý: Người có bằng tốt nghiệp đại học do các cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải có bằng công chứng tiếng Việt văn bằng tốt nghiệp, bằng điểm tiếng Việt kèm giấy công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo về văn bằng tốt nghiệp nước ngoài khi nộp hồ sơ dự tuyển.

c) Trình độ tiến sĩ: Xét tuyển hồ sơ và đánh giá đề cương nghiên cứu khoa học.

2. Hình thức và nội dung đề thi tuyển sinh

a) Hình thức thi: thi trắc nghiệm.

b) Nội dung đề thi:

- Các câu hỏi thi chủ yếu trong đề cương ôn tập và một số câu hỏi khác để đánh giá năng lực của thí sinh;
- Đảm bảo phù hợp với chương trình đào tạo trình độ đại học, đánh giá và phân loại được trình độ của thí sinh;
- Phù hợp với thời gian quy định cho mỗi môn thi;
- Đảm bảo tính khoa học, chính xác, rõ ràng, chặt chẽ, bám sát và bao quát nội dung thi đã được công bố trong thông báo tuyển sinh của Trường, trong phạm vi chương trình đào tạo trình độ đại học.

c) Môn Ngoại ngữ: tiếng Anh.

Ngoại ngữ khác: Trường không tổ chức thi; thí sinh nộp văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ theo quy định.

3. Môn thi tuyển sinh:

a) Trình độ BSNT

Chuyên ngành	Môn thi 1	Môn thi 2	Môn thi 3	Môn thi 4
Sản phụ khoa	Ngoại ngữ ** (Anh Văn)	Đề thi tổng hợp gồm 02 phần: Giải phẫu học, Sinh lý.	Ngoại khoa	Sản phụ khoa
Ngoại khoa				
Tai Mũi Họng				
Nhi khoa			Nội khoa	Nhi khoa

() Các trường hợp được miễn thi ngoại ngữ:**

Thí sinh được miễn thi ngoại ngữ khi đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành.
- Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được Ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng.
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ.
- Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận tại thời điểm xét tuyển.

Ngoại ngữ khác: Trường không tổ chức thi; thí sinh nộp văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ như trong trường hợp được miễn thi.

b) Trình độ thạc sĩ:

Đối với các thí sinh dự tuyển bằng phương thức thi tuyển, thi các môn bao gồm:

Ngành	Môn cơ sở	Môn chuyên ngành	Môn Ngoại ngữ *
Ngoại khoa	Giải phẫu học	Ngoại khoa	Tiếng Anh
Tai Mũi Họng	Giải phẫu học	Tai Mũi Họng	Tiếng Anh

Sản phụ khoa	Giải phẫu học	Sản phụ khoa	Tiếng Anh
Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc	Hóa lý Dược	Bào chế và sinh dược học	Tiếng Anh
Hóa dược	Hóa hữu cơ	Hóa dược	Tiếng Anh
Công nghệ Y - Dược	Đề thi tổng hợp gồm 02 phần: Giải phẫu + Sinh lý (đại cương)	Tổng hợp kiến thức cơ bản của 03 liên ngành Khoa học Y Sinh, Kỹ thuật Y sinh và Dược	Tiếng Anh

(*) Lưu ý:

Môn ngoại ngữ (Môn bắt buộc): môn Tiếng Anh - đề thi đánh giá trình độ tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Thí sinh thuộc diện được miễn thi môn Ngoại ngữ thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQG-HCM. Thí sinh nộp văn bằng/chứng chỉ minh chứng ngoại ngữ để đảm bảo một trong các điều kiện đã được quy định ở Mục b. điều kiện ngoại ngữ của thí sinh tham gia dự tuyển trình độ thạc sĩ.

Thí sinh dự tuyển trình độ thạc sĩ không đủ điều kiện miễn thi ngoại ngữ (tiếng Anh) sẽ tham gia kỳ thi đánh giá năng lực đầu vào tiếng Anh tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 Bậc dùng cho Việt Nam do **Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM** tổ chức.

Thời gian đăng ký dự thi đánh giá năng lực đầu vào môn tiếng Anh theo lịch của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM: **dự kiến từ ngày 14/9/2026 - 16/9/2026** (Thí sinh chủ động theo dõi thông tin).

IV. HỒ SƠ DỰ THI

1. Hồ sơ dự tuyển trình độ BSNT

- 01 đơn đăng ký dự thi/xét tuyển in từ hệ thống Đăng ký dự tuyển trực tuyến.
- 01 bản sao có công chứng Căn cước công dân/Căn cước.
- 04 ảnh 3x4 chụp không quá 03 tháng (*ghi họ tên, ngày tháng năm sinh, chuyên ngành dự thi ở sau mặt ảnh*).
- 01 bản Sơ yếu lý lịch có dán ảnh, đóng dấu giáp lai ảnh và các trang, có xác nhận của cơ quan lý trực tiếp hoặc chính quyền địa phương (**BM01**).
- 01 bản chính Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp, còn hiệu lực trong thời gian 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi.

e) 01 bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp trình độ đại học, nếu thí sinh chưa có bằng tốt nghiệp thì nộp bản chính Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời do cơ sở đào tạo cấp.

g) 01 bản sao bằng điểm các năm học đại học và điểm thi tốt nghiệp (*bản sao có công chứng*).

h) 01 Công văn cho phép dự thi bác sĩ nội trú của Sở Y tế hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố đối với bác sĩ hệ cử tuyển hoặc hợp đồng đào tạo theo địa chỉ sử dụng.

i) Giấy xác nhận của cơ sở đào tạo, có đầy đủ 04 nội dung sau:

- Xếp loại tốt nghiệp đại học đạt loại khá trở lên và không thi lại môn tốt nghiệp;
- Xác nhận không bị lưu ban, kỷ luật trong suốt quá trình học đại học;
- Xác nhận không dừng học tập trong suốt quá trình học đại học (*trừ lý do sức khỏe*);
- Xác nhận bác sĩ có/không thuộc diện cử tuyển hoặc hợp đồng đào tạo theo địa chỉ sử dụng.

k) Giấy tờ minh chứng đã nộp các khoản thu liên quan đến thi tuyển.

l) Đối với thí sinh dự thi được miễn thi môn ngoại ngữ phải nộp hai bản sao văn bằng, chứng chỉ liên quan theo quy định (*bản sao có công chứng*).

m) Đối với thí sinh có văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp sau khi hoàn thành chương trình đào tạo phải có văn bản công nhận văn bằng trình độ tương đương để sử dụng tại Việt Nam do Cục Quản lý chất lượng (Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục) - Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp (*bản sao có công chứng*).

2. Hồ sơ dự tuyển trình độ thạc sĩ

a) 01 đơn đăng ký dự thi/xét tuyển in từ hệ thống Đăng ký dự tuyển trực tuyến.

b) 01 bản sao có công chứng Căn cước công dân/Căn cước.

c) 04 ảnh 3x4 chụp không quá 03 tháng (*ghi họ tên, ngày tháng năm sinh, chuyên ngành dự thi ở sau mặt ảnh*).

d) 01 bản Sơ yếu lý lịch có dán ảnh, đóng dấu giáp lai ảnh và các trang, có xác nhận của cơ quan lý trực tiếp hoặc chính quyền địa phương đối với người dự tuyển không có cơ quan công tác (**BM01**).

đ) Đối với thí sinh dự thi theo phương thức xét tuyển: 01 bản Lý lịch khoa học của người dự tuyển có xác nhận của cơ quan công tác quản lý trực tiếp hoặc chính quyền địa phương đối với người dự tuyển không có cơ quan công tác (**BM03**). Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu: 01 bản sao các bài báo, báo cáo khoa học đã công bố.

e) 01 bản Công văn cử đi dự thi của cơ quan quản lý trực tiếp (**BM04a**). Đối với người dự tuyển không có cơ quan công tác tại thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển phải có đơn cam kết (**BM04b**).

g) 01 bản chính Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp, còn hiệu lực trong thời gian 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi.

h) 01 bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp trình độ đại học, nếu thí sinh chưa có bằng tốt nghiệp thì nộp bản chính Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời do cơ sở đào tạo cấp.

Đối với thí sinh có văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp sau khi hoàn thành CTĐT phải có văn bản công nhận văn bằng trình độ tương đương để sử dụng tại Việt Nam do Cục Quản lý chất lượng (Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục) - Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp (01 bản sao có công chứng).

i) 01 bản sao có công chứng bằng điểm các năm học đại học và điểm thi tốt nghiệp.

k) Giấy tờ minh chứng đã nộp các khoản thu liên quan đến thi tuyển.

l) Đối với thí sinh dự thi được miễn thi môn ngoại ngữ phải nộp 02 bản sao văn bằng, chứng chỉ liên quan theo quy định (bản sao có công chứng).

m) 01 Thư giới thiệu (**BM02**).

3. Hồ sơ dự tuyển trình độ tiến sĩ

a) 01 đơn đăng ký dự thi/xét tuyển in từ hệ thống Đăng ký dự tuyển trực tuyến.

b) 01 bản sao công chứng Căn cước công dân/Căn cước.

c) 01 bản chính Giấy chứng nhận sức khỏe có dán ảnh do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp, còn hiệu lực trong thời gian 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.

d) 01 bản sơ yếu lý lịch có dán ảnh, đóng dấu giáp lai ảnh và các trang, có xác nhận của cơ quan lý trực tiếp hoặc chính quyền địa phương đối với người dự tuyển không có cơ quan công tác (**BM01**).

đ) 01 bản Lý lịch khoa học của người dự tuyển có xác nhận của cơ quan lý trực tiếp hoặc chính quyền địa phương đối với người dự tuyển không có cơ quan công tác (**BM02**).

e) 01 bản sao có công chứng bằng điểm và bằng tốt nghiệp trình độ đại học, thạc sĩ, bác sĩ nội trú, chuyên khóa cấp I, chuyên khoa cấp II; chứng chỉ và minh chứng về chuyên môn, ngoại ngữ theo quy định;

Đối với người dự tuyển là người Việt Nam tốt nghiệp tại các Cơ sở đào tạo nước ngoài, văn bằng và bằng điểm do Cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng tiếng Việt và nộp kèm văn bản công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo khi nộp hồ sơ dự tuyển.

g) Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu: nộp 06 quyển Danh mục minh chứng nghiên cứu khoa học của người dự tuyển gồm bản sao các bài báo đã được công bố (gồm trang bìa tạp chí khoa học, trang mục lục và toàn văn bài báo của tác giả (**BM03**); Giấy xác nhận của cơ quan công tác có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

h) 06 quyển Đề cương nghiên cứu, trình bày đề cương nghiên cứu theo mẫu **(BM04)**, có nội dung và định hướng nghiên cứu phù hợp với ngành/chuyên ngành đăng ký dự tuyển.

i) Tối thiểu 01 thư giới thiệu theo điều kiện dự tuyển trình độ tiến sĩ **(BM05)**.

k) 01 bản dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa **(BM06)**.

l) 01 bản Công văn cử đi dự thi của cơ quan quản lý trực tiếp **(BM07a)**. Đối với người dự tuyển không có cơ quan công tác tại thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển phải có đơn cam kết theo mẫu **(BM07b)**.

m) 01 bản Lý lịch khoa học của người hướng dẫn có xác nhận của cơ quan lý trực tiếp hoặc chính quyền địa phương **(BM08)**.

n) 01 Giấy chấp thuận hướng dẫn khoa học có xác nhận của cơ quan công tác hoặc chính quyền địa phương của người được đề xuất hướng dẫn **(BM09)**. Người dự tuyển được đề xuất tối đa 02 người hướng dẫn (ghi rõ người hướng dẫn chính, người hướng dẫn phụ hoặc đồng hướng dẫn), tiêu chuẩn người hướng dẫn nghiên cứu sinh theo quy định.

o) 01 Bảng điểm quy đổi công trình nghiên cứu khoa học của người hướng dẫn **(BM10)**.

p) Minh chứng đã nộp lệ phí tuyển sinh.

Ghi chú:

- Trường không thực hiện phát hành hồ sơ giấy, tất cả biểu mẫu hồ sơ được đăng công khai và được đính kèm trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường.

- Tất cả các bản sao y phải công chứng, thời gian không quá 06 tháng.

- Tất cả các giấy tờ trên được xếp theo thứ tự, đựng trong túi hồ sơ đăng ký dự tuyển và gửi bưu điện về Trường theo quy định.

- Hội đồng tuyển sinh chỉ nhận hồ sơ khi đủ các giấy tờ theo quy định trong thông báo.

- Hồ sơ và các khoản thu liên quan đến thi tuyển sẽ không hoàn lại nếu thí sinh không được dự thi, bỏ thi hoặc thi không đạt.

- Trường hợp thí sinh giả mạo các giấy tờ pháp lý, khai man, khai thiếu, gian lận trong làm hồ sơ, lý lịch đăng ký dự thi sẽ không được dự thi, nếu thí sinh đã dự thi mà bị phát hiện giả mạo, khai man, khai thiếu, gian lận trong làm hồ sơ, lý lịch sẽ hủy kết quả thi, kết quả trúng tuyển. Tùy theo từng trường hợp vi phạm cụ thể sẽ được cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định.

V. ĐIỀU KIỆN XÉT TRÚNG TUYỂN VÀ XÉT TUYỂN BỔ SUNG

1. Trình độ BSNT

a) Các môn thi phải đạt từ 5 điểm trở lên, môn chuyên ngành phải đạt từ 7 điểm trở lên; cụ thể:

- Dự thi chuyên ngành Sản phụ khoa, môn chuyên ngành là Sản phụ khoa.

- Dự thi chuyên ngành Ngoại khoa, môn chuyên ngành là Ngoại khoa.
- Dự thi chuyên ngành Tai Mũi Họng, môn chuyên ngành là Ngoại khoa.
- Dự thi chuyên ngành Nhi khoa, môn chuyên ngành là Nhi khoa.

b) Các thí sinh có điểm đạt của tất cả các môn thi sẽ được xếp theo thứ tự tổng điểm (không tính môn ngoại ngữ) từ cao xuống thấp theo chuyên ngành và sẽ được xét trúng tuyển cho đến khi đủ chỉ tiêu đã được phê duyệt.

c) Trong trường hợp có nhiều thí sinh đồng điểm sẽ được xét chọn theo thứ tự như sau:

- Tổng điểm thi hai môn chuyên ngành.
- Điểm thi môn chuyên ngành cao nhất.
- Miễn thi môn ngoại ngữ.
- Điểm thi môn ngoại ngữ.

d) Đối với thí sinh đăng ký dự thi, xét tuyển theo nguyện vọng thuộc Hệ ngoại (chuyên ngành Sản phụ khoa, Ngoại khoa, Tai Mũi Họng):

Nguyên tắc xét trúng tuyển theo nguyện vọng:

- Thí sinh được đăng ký 02 (hai) nguyện vọng xét tuyển vào các chuyên ngành thuộc cùng Hệ ngoại (chuyên ngành Sản phụ khoa, Ngoại khoa, Tai Mũi Họng) và không được thay đổi nguyện vọng sau khi nộp hồ sơ đăng ký dự thi.

- Thí sinh được xét trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên tổng điểm (không tính môn ngoại ngữ) của từng chuyên ngành đã đăng ký ở nguyện vọng 1.

- Thí sinh có điểm đạt của tất cả các môn thi nhưng không đủ điều kiện xét trúng tuyển chuyên ngành đăng ký ở nguyện vọng 1 sẽ được lọc danh sách và lặp lại quy trình xét tuyển ở nguyện vọng 2 tiếp theo đối với các chuyên ngành chưa tuyển đủ chỉ tiêu.

- Trường hợp thí sinh có điểm đạt của tất cả các môn thi nhưng không đủ điều kiện xét trúng tuyển chuyên ngành đã đăng ký ở nguyện vọng 1 và nguyện vọng 2, Hội đồng tuyển sinh sẽ tổng hợp danh sách thí sinh, xếp theo thứ tự tổng điểm (không tính môn ngoại ngữ) từ cao xuống thấp và tổ chức buổi xét chọn chuyên ngành bổ sung đối với những chuyên ngành chưa tuyển đủ chỉ tiêu.

2. Trình độ thạc sĩ

a) Xét tuyển thẳng, xét tuyển

Dựa trên danh sách hồ sơ đăng ký thỏa điều kiện dự tuyển, Hội đồng tuyển sinh sau đại học xét tuyển thẳng và xét tuyển dựa trên kết quả học tập ở trình độ đại học, lấy từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu ở mỗi phương thức.

b) Thi tuyển

- Điểm thi môn cơ sở, môn chuyên ngành phải đạt từ 5.0 (năm) điểm trở lên (đã cộng điểm ưu tiên, nếu có).

- Tổng điểm các môn thi được xếp theo thứ tự từ trên xuống theo từng chuyên ngành để xét tuyển theo chỉ tiêu đã công bố. Căn cứ vào chỉ tiêu thi tuyển từng ngành và tổng điểm hai môn cơ sở và môn chuyên ngành, Chủ tịch HĐTS xác định điểm chuẩn trúng tuyển từng ngành.

3. Trình độ tiến sĩ

Thí sinh dự tuyển được công nhận trúng tuyển khi đạt các yêu cầu sau:

- Đạt yêu cầu về điều kiện về đối tượng dự tuyển như quy định.
- Điểm đánh giá của Tiểu ban chuyên môn đạt từ 55 điểm trở lên, thang điểm 100. Trong đó, phần B đánh giá đề cương dự tuyển phải đạt từ 40 điểm trở lên.
- Các thí sinh có điểm đạt sẽ được xếp theo thứ tự tổng điểm từ cao xuống thấp trong chuyên ngành đăng ký và sẽ được xét trúng tuyển cho đến khi đủ chỉ tiêu.
- Trường sẽ tổ chức tuyển bổ sung trong trường hợp số thí sinh nhập học chưa đủ chỉ tiêu.

VI. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

1. Trình độ BSNT: không áp dụng.

2. Trình độ thạc sĩ, tiến sĩ:

a) Đối tượng ưu tiên

- Người có thời gian công tác liên tục từ 02 năm hoặc người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có Quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;
- Con liệt sĩ;
- Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;
- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

b) Mức ưu tiên

Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại khoản a (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng 10% trên tổng điểm một môn thi do Trường lựa chọn.

VI. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM NHẬN HỒ SƠ VÀ HƯỚNG DẪN KHAI BÁO ĐĂNG KÝ DỰ THI

1. Thời gian nhận hồ sơ: đến hết ngày 02/10/2026

2. Địa điểm nhận hồ sơ: thực hiện khai báo hồ sơ dự tuyển trực tuyến trên website theo hướng dẫn bên dưới và gửi hồ sơ dự thi theo quy định về Trường Đại học Khoa học Sức khỏe, ĐHQG-HCM theo địa chỉ:

Địa chỉ: Phòng 110, Phòng Đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Khoa học Sức khỏe. Nhà hành chính YAI, Đường Hải Thượng Lãn Ông, khu đô thị ĐHQG-HCM, phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số điện thoại hotline: 0989 45 80 87

3. Hướng dẫn cách thức khai báo hồ sơ trực tuyến

Bước 1: Thí sinh khai báo hồ sơ đăng ký dự tuyển tại link:

<https://tuyensinh.uhsvnu.edu.vn/dangky/>

Bước 2: In phiếu và ký tên, nộp kèm các giấy tờ khác theo thông báo về Trường theo địa chỉ đã hướng dẫn.

Bước 3: Kiểm tra tình trạng hồ sơ tại đường link:

<https://tuyensinh.uhsvnu.edu.vn/dangky/index.php?view=status>

4. Lưu ý:

- Thí sinh cần kiểm tra, đối chiếu kỹ và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin khai trong hồ sơ dự tuyển, đặc biệt là địa chỉ email, số Căn cước công dân/Căn cước, vì đây là căn cứ để Nhà trường gửi giấy báo dự thi và thực hiện các công tác liên quan.

- Trường không thực hiện phát hành hồ sơ giấy, tất cả biểu mẫu hồ sơ được đăng công khai và sẽ được kèm theo thông báo tuyển sinh trên website của Trường.

- Khi khai báo hoàn tất hồ sơ trên hệ thống như hướng dẫn tại Bước 1 và Bước 2, thí sinh cho tất cả các hồ sơ/giấy tờ theo quy định **xếp theo thứ tự, đựng trong túi/bì hồ sơ** và gửi bưu điện về Trường Đại học Khoa học Sức khỏe, ĐHQG-HCM.

- Hội đồng tuyển sinh chỉ nhận hồ sơ khi đủ các giấy tờ theo quy định trong thông báo.

- Hồ sơ và các khoản thu liên quan đến kỳ thi tuyển sẽ không được hoàn lại trong trường hợp thí sinh bỏ thi hoặc thi không đạt. Thí sinh lưu ý chỉ chuyển đúng số tiền theo yêu cầu, tránh các trường hợp chuyển khoản dư hoặc chuyển khoản nhiều lần.

- Trường sẽ tiến hành thẩm tra các văn bằng/chứng chỉ và các giấy tờ có liên quan. Thí sinh giả mạo các giấy tờ pháp lý, khai man, khai thiếu, gian lận trong làm hồ sơ, lý lịch đăng ký dự thi sẽ không được dự thi, nếu thí sinh đã dự thi mà bị phát hiện giả mạo,

khai man, khai thiếu, gian lận trong làm hồ sơ, lý lịch sẽ hủy kết quả thi, kết quả trúng tuyển. Tùy theo từng trường hợp vi phạm cụ thể sẽ được cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định.

VII. LỆ PHÍ ÔN TẬP VÀ THI TUYỂN

1. Ôn tập

a) Trường tổ chức ôn tập các môn thi tuyển sinh (môn cơ sở + môn chuyên ngành) cho thí sinh dự tuyển trình độ BSNT, thạc sĩ bằng hình thức thi tuyển.

- Khoản thu đăng ký ôn tập trình độ BSNT: **700.000 đồng/môn/thí sinh.**

- Khoản thu đăng ký ôn tập Thạc sĩ: **800.000 đồng/môn/thí sinh.**

- Thông tin chuyển khoản ôn tập như sau:

+ Chủ tài khoản: Trường Đại học Khoa học Sức khỏe

+ STK: 6789 6979 789 - NH: TP Bank - CN TP.HCM

+ Nội dung: **CCCD/CC - Họ và tên đầy đủ - LP ôn tập**

b) Thời gian đăng ký ôn tập: thực hiện đăng ký qua hệ thống khi nộp hồ sơ dự tuyển trực tuyến từ ngày 11/8 đến hết ngày 02/10/2026.

c) Thời gian ôn tập (dự kiến): 05 - 10/10/2026.

d) Hình thức ôn tập dự kiến: Trực tuyến

Lưu ý: Thí sinh theo dõi các thông báo tiếp theo tại Cổng thông tin điện tử của Trường theo địa chỉ www.tuyensinh.uhsvnu.edu.vn để được cập nhật link nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển và đăng ký ôn tập.

2. Thi tuyển, tuyển thẳng và xét tuyển

a) Khoản thu đối với thí sinh nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển bằng hình thức thi tuyển (bao gồm: nhận, kiểm tra, xét duyệt hồ sơ, thi tuyển, gửi giấy báo dự thi và báo kết quả trúng tuyển): **1.200.000 đồng/thí sinh.**

b) Khoản thu đối với thí sinh nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển bằng hình thức tuyển thẳng và xét tuyển.

Khoản thu đối với thí sinh đăng ký dự tuyển (bao gồm: nhận, kiểm tra, xét duyệt hồ sơ/đánh giá đề cương, gửi giấy báo trúng tuyển và nhập học):

+ Đối với trình độ tiến sĩ (xét tuyển và đánh giá đề cương): **4.800.000 đồng/thí sinh;**

+ Đối với trình độ thạc sĩ (xét tuyển thẳng, xét tuyển): **3.300.000 đồng/thí sinh.**

c) Thời gian nộp lệ phí: từ ngày ra thông báo đến hết ngày 02/10/2026 bằng hình thức chuyển khoản theo thông tin chuyển khoản sau:

- Tên tài khoản: LE PHI TUYEN SINH SAU DAI HOC 2026
- Số tài khoản: IVKYYLPXTSDH026, Ngân hàng TM CP TIỀN PHONG (TP Bank)
- Nội dung khi chuyển khoản: Số CCCD/CC - Họ tên đầy đủ - LP thi tuyển

- Mã QR chuyển tiền



VIII. THỜI GIAN THI VÀ ĐỊA ĐIỂM THI

1. Nhận giấy báo dự thi: từ ngày 23/10/2026, Hội đồng tuyển sinh gửi giấy báo dự thi cho thí sinh qua địa chỉ email của thí sinh đã cung cấp trên hồ sơ đăng ký dự tuyển. Trường hợp thí sinh không nhận được giấy báo dự thi vui lòng liên hệ trực tiếp Phòng Đào tạo Sau đại học từ ngày 23/10/2026 đến ngày 26/10/2026 để được hướng dẫn.

2. Lịch thi tuyển sinh (dự kiến):

a) Trình độ thạc sĩ

NGÀY THI	BUỔI THI		MÔN THI
Ngày 31/10/2026	Sáng	09g00 - 10g00	Thí sinh nhận giấy báo dự thi
		10g00 - 11g00	Sinh hoạt quy chế thi
	Chiều	13g00 - 15g30	- Thi môn Tổng hợp đối với BSNT (Giải phẫu học và Sinh lý) - Thi môn Cơ sở đối với Thạc sĩ
		15g30 - 17g30	Thi môn Ngoại ngữ (BSNT)
Ngày 01/11/2026	Sáng	08g00 - 10g30	- Thi môn Ngoại khoa đối với BSNT: Ngoại khoa, Sản phụ khoa, Tai Mũi Họng - Thi môn Nội khoa đối với BSNT: Nhi khoa - Thi môn Chuyên ngành đối với Thạc sĩ
	Chiều	13g30 - 16g00	- Thi môn Sản phụ khoa đối với BSNT: Ngoại khoa, Sản phụ khoa, Tai Mũi Họng - Thi môn Nhi khoa đối với BSNT: Nhi khoa

b) Trình độ tiến sĩ: thông báo chính thức sẽ được gửi đến thí sinh đủ điều kiện qua email cá nhân do thí sinh cung cấp.

3. Địa điểm tổ chức (dự kiến):

a) Thi tuyển (đối với trình độ BSNT, thạc sĩ)

Trường Đại học Bách khoa, ĐHQG-HCM

Địa chỉ: số 268, Đường Lý Thường Kiệt, phường Diên Hồng, Thành phố Hồ Chí Minh

b) Xét duyệt đề cương (đối với trình độ tiến sĩ):

Trường Đại học Khoa học Sức khỏe, ĐHQG-HCM

Địa chỉ: Nhà hành chính YA1, đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Thí sinh xem thời gian thi, địa điểm thi và kết quả thi tuyển sinh trên trang thông tin điện tử theo đường dẫn <https://www.tuyensinh.uhsvnu.edu.vn/>

Trên đây là Thông báo tuyển sinh sau đại học đợt 02 năm 2026, mọi thông tin chi tiết xin liên hệ Phòng Đào tạo Sau đại học (P.110), Trường Đại học Khoa học Sức khỏe.

Địa chỉ: Nhà hành chính YA1, Đường Hải Thượng Lãn Ông, khu đô thị ĐHQG-HCM, phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại hotline: **0989 45 80 87**./. *pha*

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để b/c);
- ĐHQG-HCM (để b/c);
- Các Sở Y tế;
- Các Viện, Trường thuộc nhóm ngành sức khỏe;
- Các bệnh viện, phòng khám đa khoa, chuyên khoa;
- Lưu: VT, HĐTSSĐH.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH**



me
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Phạm Anh Vũ Thụy**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC SỨC KHỎE
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục I

**Danh mục ngành phù hợp dự tuyển chương trình đào tạo
trình độ thạc sĩ Công nghệ Y - Dược**

(Kèm theo Thông báo số 38/TB-TSSDH ngày 14 tháng 8 năm 2026
của Hội đồng tuyển sinh sau đại học)

Mã ngành	Tên nhóm ngành/ngành
772	Lĩnh vực Sức khỏe
742	Lĩnh vực Khoa học sự sống
744	Lĩnh vực Khoa học tự nhiên
74401	Nhóm ngành Khoa học vật chất
7440106	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
7440110	Cơ học
7440112	Hóa học
7440122	Khoa học vật liệu
746	Lĩnh vực Toán và thống kê
74601	Nhóm ngành Toán học
7460107	Khoa học tính toán
7460108	Khoa học dữ liệu
7460112	Toán ứng dụng
7460115	Toán cơ
7460117	Toán tin
74602	Nhóm ngành Thống kê
7460201	Thống kê
748	Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin
74801	Nhóm ngành Máy tính
7480101	Khoa học máy tính
7480104	Hệ thống thông tin
7480107	Trí tuệ nhân tạo
74802	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
7480201	Công nghệ thông tin

Mã ngành	Tên nhóm ngành/ngành
7480202	An toàn thông tin
751	Lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật
75102	Nhóm ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí
7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
7510202	Công nghệ chế tạo máy
7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
75103	Nhóm ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông
7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông
7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
75104	Nhóm ngành Công nghệ hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường
7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học
7510402	Công nghệ vật liệu
7510407	Công nghệ kỹ thuật hạt nhân
75108	Nhóm ngành Công nghệ kỹ thuật in
7510801	Công nghệ kỹ thuật in
752	Lĩnh vực Kỹ thuật
75201	Nhóm ngành Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật
7520101	Cơ kỹ thuật
7520103	Kỹ thuật cơ khí
7520114	Kỹ thuật cơ điện tử
7520115	Kỹ thuật nhiệt
7520137	Kỹ thuật in
75202	Nhóm ngành Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông
7520201	Kỹ thuật điện
7520205	Kỹ thuật thủy âm
7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
7520212	Kỹ thuật y sinh
7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
75203	Nhóm ngành Kỹ thuật hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường

Mã ngành	Tên nhóm ngành/ngành
7520301	Kỹ thuật hóa học
7520309	Kỹ thuật vật liệu
7520310	Kỹ thuật vật liệu kim loại
75204	Nhóm ngành Vật lý kỹ thuật
7520401	Vật lý kỹ thuật
7520402	Kỹ thuật hạt nhân

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA HỌC SỨC KHỎE
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục II

Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp dự tuyển chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ thuộc lĩnh vực Sức khỏe
(Kèm theo Thông báo số 38/TB-TSSDH ngày 14 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng tuyển sinh sau đại học)

STT	Ngành/Chuyên ngành đăng ký tuyển	Tên ngành đại học đúng (không học bổ sung kiến thức)	Tên lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đại học phù hợp (Học bổ sung kiến thức trước khi tuyển sinh)	
			Lĩnh vực, Nhóm Ngành, Ngành	Học phần học bổ sung, số tín chỉ
1	Ngoại khoa: + Ngoại Tổng quát + Ngoại Tiết niệu + Ngoại Thần kinh + Ngoại Chấn thương chỉnh hình + Ngoại Tim - Mạch máu và Lồng ngực	Y khoa (7720101)		
2	Tai Mũi Họng	Y khoa (7720101)		
3	Sản phụ khoa	Y khoa (7720101)		

STT	Ngành/Chuyên ngành đăng ký tuyển	Tên ngành đại học đúng (không học bổ sung kiến thức)	Tên lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đại học phù hợp (Học bổ sung kiến thức trước khi tuyển sinh)	
			Lĩnh vực, Nhóm Ngành, Ngành	Học phần học bổ sung, số tín chỉ
4	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc	- Dược học (7720201) - Hoá dược (7720203)	- Sinh học (7420101) - Công nghệ sinh học (7420201) - Kỹ thuật y sinh (7520212) - Sinh học ứng dụng (7420203) - Hóa học (7440112) - Khoa học vật liệu (7440122) - Công nghệ kỹ thuật hóa học (7510401) - Công nghệ vật liệu (7510402) - Kỹ thuật công nghiệp (7520117) - Kỹ thuật y sinh (7520212) - Kỹ thuật hoá học (7520301) - Kỹ thuật vật liệu (7520309) - Công nghệ thực phẩm (7540101) - Kỹ thuật thực phẩm (7540102) - Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm (7540106)	- Module 1: Bào chế và Sinh dược học (3 TC) - Module 2: Công nghệ dược phẩm (3 TC)

STT	Ngành/Chuyên ngành đăng ký tuyển	Tên ngành đại học đúng (không học bổ sung kiến thức)	Tên lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đại học phù hợp (Học bổ sung kiến thức trước khi tuyển sinh)	
			Lĩnh vực, Nhóm Ngành, Ngành	Học phần học bổ sung, số tín chỉ
5	Hóa dược	- Dược học (7720201) - Hoá dược (7720203)	- Sư phạm Hóa học (7140212) - Hóa học (7440112) - Công nghệ kỹ thuật hóa học (7510401) - Kỹ thuật hóa học (7520301)	- Module 1: Hoá dược 1 (3 TC) - Module 2: Hoá dược 2 (3 TC)



Phụ lục III

Danh mục ngành phù hợp dự tuyển chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

(Kèm theo Thông báo số 38/TB-TSSDH ngày 14 tháng 8 năm 2026
của Hội đồng tuyển sinh sau đại học)

a) Đối tượng 1: Danh mục ngành phù hợp dành cho người học có trình độ đại học tham gia tuyển sinh

Mã ngành	Tên nhóm ngành/ngành
772	Lĩnh vực Sức khỏe
742	Lĩnh vực Khoa học sự sống
744	Lĩnh vực Khoa học tự nhiên
74401	Nhóm ngành Khoa học vật chất
7440106	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
7440110	Cơ học
7440112	Hóa học
7440122	Khoa học vật liệu
746	Lĩnh vực Toán và thống kê
74601	Nhóm ngành Toán học
7460107	Khoa học tính toán
7460108	Khoa học dữ liệu
7460112	Toán ứng dụng
7460115	Toán cơ
7460117	Toán tin
74602	Nhóm ngành Thống kê
7460201	Thống kê
748	Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin
74801	Nhóm ngành Máy tính
7480101	Khoa học máy tính
7480104	Hệ thống thông tin
7480107	Trí tuệ nhân tạo

Mã ngành	Tên nhóm ngành/ngành
74802	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
7480201	Công nghệ thông tin
7480202	An toàn thông tin
751	Lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật
75102	Nhóm ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí
7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí
7510202	Công nghệ chế tạo máy
7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
75103	Nhóm ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông
7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông
7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
75104	Nhóm ngành Công nghệ hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường
7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học
7510402	Công nghệ vật liệu
7510407	Công nghệ kỹ thuật hạt nhân
75108	Nhóm ngành Công nghệ kỹ thuật in
7510801	Công nghệ kỹ thuật in
752	Lĩnh vực Kỹ thuật
75201	Nhóm ngành Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật
7520101	Cơ kỹ thuật
7520103	Kỹ thuật cơ khí
7520114	Kỹ thuật cơ điện tử
7520115	Kỹ thuật nhiệt
7520137	Kỹ thuật in
75202	Nhóm ngành Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông
7520201	Kỹ thuật điện

Mã ngành	Tên nhóm ngành/ngành
7520205	Kỹ thuật thủy âm
7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông
7520212	Kỹ thuật y sinh
7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
75203	Nhóm ngành Kỹ thuật hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường
7520301	Kỹ thuật hóa học
7520309	Kỹ thuật vật liệu
7520310	Kỹ thuật vật liệu kim loại
75204	Nhóm ngành Vật lý kỹ thuật
7520401	Vật lý kỹ thuật
7520402	Kỹ thuật hạt nhân

b) Đối tượng 2: Danh mục ngành phù hợp dành cho người học có trình độ Chuyên khoa cấp I tham gia tuyển sinh

Mã ngành	Tên nhóm ngành/chuyên ngành
6072	Nhóm ngành Y học
6073	Nhóm ngành Dược học

c) Đối tượng 3: Danh mục ngành phù hợp dành cho người học có trình độ Chuyên khoa cấp II tham gia tuyển sinh

Mã ngành	Tên nhóm ngành/chuyên ngành
6272	Nhóm ngành Y học
6273	Nhóm ngành Dược học

d) Đối tượng 4: Danh mục ngành phù hợp dành cho người học có trình độ bác sĩ nội trú tham gia tuyển sinh

Mã ngành	Tên chuyên ngành	Mã ngành	Tên chuyên ngành
NT 62 72 05 01	Chẩn đoán hình ảnh	NT 62 72 20 01	Nội - Tiêu hoá
NT 62 72 07 01	Ngoại - Tiêu hoá	NT 62 72 20 05	Nội - Hô hấp
NT 62 72 07 05	Ngoại - Lồng ngực	NT 62 72 20 10	Nội - Xương khớp
NT 62 72 07 10	Ngoại - Tim mạch	NT 62 72 20 15	Nội - Nội tiết

Mã ngành	Tên chuyên ngành	Mã ngành	Tên chuyên ngành
NT 62 72 07 15	Ngoại - Tiết niệu	NT 62 72 20 20	Nội - Thận tiết niệu
NT 62 72 07 20	Ngoại - Thần kinh và Sọ não	NT 62 72 20 25	Nội - Tim mạch
NT 62 72 07 25	Chấn thương chỉnh hình	NT 62 72 20 30	Lão khoa
NT 62 72 07 30	Ngoại - Gan mật	NT 62 72 20 35	Dị ứng
NT 62 72 07 35	Ngoại - Nhi	NT 62 72 20 50	Nội khoa
NT 62 72 07 40	Ngoại - Bông	NT 62 72 21 40	Thần kinh
NT 62 72 07 45	Ngoại - Hậu môn	NT 62 72 22 45	Tâm thần
NT 62 72 07 50	Ngoại khoa	NT 62 72 23 01	Ung thư
NT 62 72 10 01	Phẫu thuật tạo hình	NT 62 72 24 01	Lao
NT 62 72 13 01	Sản phụ khoa	NT 62 72 25 01	Huyết học - Truyền máu
NT 62 72 16 01	Nhi - Sơ sinh	NT 62 72 28 01	Răng Hàm Mặt
NT 62 72 16 05	Nhi - Tiêu hoá	NT 62 72 28 05	Phẫu thuật Hàm mặt
NT 62 72 16 10	Nhi - Hô hấp	NT 62 72 31 01	Hồi sức cấp cứu
NT 62 72 16 15	Nhi - Tim mạch	NT 62 72 33 01	Gây mê hồi sức
NT 62 72 16 20	Nhi - Tâm thần	NT 62 72 35 01	Da liễu
NT 62 72 16 25	Nhi - Thần kinh	NT 62 72 38 01	Truyền nhiễm
NT 62 72 16 30	Nhi - Huyết học	NT 62 72 43 01	Phục hồi chức năng
NT 62 72 16 35	Nhi - Thận	NT 62 72 50 01	Dược lý và Độc chất
NT 62 72 16 40	Nhi - Truyền nhiễm	NT 62 72 53 01	Tai Mũi Họng
NT 62 72 16 45	Nhi - Nội tiết	NT 62 72 56 01	Nhãn khoa
NT 62 72 16 50	Nhi - Hồi sức	NT 62 72 60 01	Y học cổ truyền
NT 62 72 16 55	Nhi khoa		

đ) Đối tượng 5: Danh mục ngành phù hợp dành cho người học có trình độ thạc sĩ tham gia tuyển sinh

Mã ngành	Tên nhóm ngành/ngành
872	Lĩnh vực Sức khỏe
842	Lĩnh vực Khoa học sự sống
84201	Nhóm ngành Sinh học
8420101	Sinh học
8420102	Nhân chủng học

Mã ngành	Tên nhóm ngành/ngành
8420103	Động vật học
8420107	Vi sinh vật học
8420108	Thủy sinh vật học
8420111	Thực vật học
8420114	Sinh học thực nghiệm
8420116	Hóa sinh học
8420120	Sinh thái học
8420121	Di truyền học
84202	Nhóm ngành Sinh học ứng dụng
8420201	Công nghệ sinh học
844	Lĩnh vực Khoa học tự nhiên
84401	Nhóm ngành Khoa học vật chất
8440103	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
8440104	Vật lý chất rắn
8440105	Vật lý vô tuyến và điện tử
8440106	Vật lý nguyên tử và hạt nhân
8440107	Cơ học vật rắn
8440108	Cơ học chất lỏng và chất khí
8440109	Cơ học
8440110	Quang học
8440112	Hóa học
8440113	Hóa vô cơ
8440114	Hóa hữu cơ
8440118	Hóa phân tích
8440119	Hóa lý thuyết và hóa lý
8440120	Hóa môi trường
8440122	Khoa học vật liệu
846	Lĩnh vực Toán và thống kê
84601	Nhóm ngành Toán học
8460101	Toán học
8460106	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học
8460107	Khoa học tính toán
8460108	Khoa học dữ liệu
8460112	Toán ứng dụng

Mã ngành	Tên nhóm ngành/ngành
8460117	Toán tin
84602	Nhóm ngành Thống kê
8460201	Thống kê
848	Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin
84801	Nhóm ngành Máy tính
8480101	Khoa học máy tính
8480103	Kỹ thuật phần mềm
8480106	Kỹ thuật máy tính
8480107	Trí tuệ nhân tạo
84802	Nhóm ngành Công nghệ thông tin
8480201	Công nghệ thông tin
8480204	Quản lý công nghệ thông tin
8480205	Quản lý Hệ thống thông tin
852	Lĩnh vực Kỹ thuật
85201	Nhóm ngành Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật
8520137	Kỹ thuật in
85202	Nhóm ngành Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông
8520201	Kỹ thuật điện
8520203	Kỹ thuật điện tử
8520204	Kỹ thuật radar - dẫn đường
8520208	Kỹ thuật viễn thông
8520209	Kỹ thuật mật mã
8520212	Kỹ thuật y sinh
8520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
85203	Nhóm ngành Kỹ thuật hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường
8520301	Kỹ thuật hóa học
8520309	Kỹ thuật vật liệu
85204	Nhóm ngành Vật lý kỹ thuật
8520401	Vật lý kỹ thuật
8520402	Kỹ thuật hạt nhân



Phụ lục IV

**Bảng tham chiếu mức điểm tối thiểu một số chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương
Bậc 3, Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và
Danh sách các đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo Khung năng
lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Cục Quản lý chất lượng,
Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định**

*(Kèm theo Thông báo số 38/TB-TSSĐH ngày 14 tháng 8 năm 2026
của Hội đồng tuyển sinh sau đại học)*

**I. Bảng tham chiếu mức điểm tối thiểu một số chứng chỉ Ngoại ngữ tương
đương Bậc 3, Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam**

1. Tiếng Anh

Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	IELTS	TOEFL	TOEIC (4 kĩ năng)	Cambridge Exam	Aptis (Hội đồng Anh)
Bậc 3	4.5	460 ITP 40 iBT	Reading 275 Listening 275 Speaking 120 Writing 120	A2 Key 140 B1 Preliminary: 140 B2 First: 140 B1 Business Preliminary 140 B2 Business Vantage: 140	B1 (General)
Bậc 4	5.5	46 iBT		B1 Preliminary: 160 B2 First: 160 C1 Advanced: 160 B1 Business Preliminary 160 B2 Business Vantage: 160 C1 Business Higher: 160	B2 (General)

2. Một số ngoại ngữ khác

Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn
--	--------------	---------------	--------------	----------------	---------------	--------------

Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn
Bậc 3	TPKI-1	DELFB1 TCFB1	Goethe-Zertifikat B1, TELC Deutsch B1, DSD I, ÖSD-Zertifikat B1, TestDaF-TDN3, ECL B1	HSK Bậc 3	JLPT N4 NAT-TEST 3Q J-TEST (400)	TOPIK II (Bậc 3)
Bậc 4	TPKI-2	DELFB2 TCFB2	Goethe-Zertifikat B2, TELC Deutsch B2, DSD II (Viết/nói: 8-11 điểm; Nghe/đọc: 8-13 điểm), ÖSD -Zertifikat B2, TestDaF-TDN4, ECL B2	HSK Bậc 4	JLPT N3 NAT-TEST2Q(100) J-TEST (600)	TOPIK II (Bậc 4)

II. Danh sách các đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

STT	Tên đơn vị
1	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
2	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
3	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội
4	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng
5	Đại học Thái Nguyên
6	Trường Đại học Cần Thơ
7	Trường Đại học Hà Nội
8	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
9	Trường Đại học Vinh
10	Trường Đại học Sài Gòn
11	Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh
12	Trường Đại học Trà Vinh
13	Trường Đại học Văn Lang
14	Trường Đại học Quy Nhơn

STT	Tên đơn vị
15	Trường Đại học Tây Nguyên
16	Học viện An ninh Nhân dân
17	Học viện Báo chí Tuyên truyền
18	Trường Đại học Công thương Thành phố Hồ Chí Minh
19	Trường Đại học Thương mại
20	Học viện Khoa học Quân sự
21	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh
22	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM
23	Học viện Cảnh sát Nhân dân
24	Đại học Bách khoa Hà Nội
25	Trường Đại học Nam Cần Thơ
26	Trường Đại học Ngoại thương
27	Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh
28	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
29	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
30	Trường Đại học Lạc Hồng
31	Trường Đại học Đồng Tháp
32	Đại học Duy Tân
33	Trường Đại học Phenikaa
34	Học viện Ngân hàng
35	Trường Đại học Tài chính - Marketing
36	Trường Đại học Thành Đông
37	Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh
38	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

Lưu ý: Danh sách này sẽ được cập nhật theo danh sách các đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Anh khung ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố trước ngày kết thúc nộp hồ sơ dự tuyển./.